

## 第17届世界象棋锦标赛

## 首届世界象棋快棋公开赛 第6轮编排对阵表

台号	红方				成绩	黑方			
	编号	单位	姓名	上轮积分		上轮积分	姓名	单位	编号
1	39	中国香港 HKG	郑彦隆 CHENG YIN LUNG	9	:	10	冯家俊 FUNG TONY GA ZEN	中国香港 HKG	9
2	62	越南 VIE	阮黄燕 NGUYEN HOANG YEN	8	:	9	赖理兄 LAI LY HUYNH	越南 VIE	48
3	50	中华台北 TPE	赵奕帆 CHAO, YI-YIFAN	8	:	8	王廓 WANG KUO	中国 CHN	25
4	34	越南 VIE	阮成保 NGUYEN THANH BAO	8	:	8	沈毅豪 SIM YIP HOW	马来西亚 MAS	24
5	10	中华台北 TPE	葛振衣 GE, JEN-YI	8	:	8	吴宗翰 ALVIN WOO TSUNG HAN	新加坡 SGP	2
6	22	马来西亚 MAS	李毓志 LEE WEN ZE	7	:	7	杜孟胜 DO MANH THANG	越南 VIE	60
7	16	菲律宾 PHI	洪家川 HONG CHIA CHUAN	7	:	7	黎德志 LI DEZHI	马来西亚 MAS	29
8	35	美国 USA	李铭坚 MINGJIAN LI	6	:	6	彭柔安 PENG, JOU-AN	中华台北 TPE	63
9	27	新加坡 SGP	吴兰香 NGO LAN HUANG	6	:	6	叶乃传 YEK NAI TUONG	东马 MAS EAST	65
10	7	菲律宾 PHI	庄宏明 CHONG HEUNG MING	6	:	6	刘亿豪 LOW YI HAO	新加坡 SGP	64
11	23	中华台北 TPE	卢政 LU, CHENG-HAO	6	:	6	梁信谦 LEUNG SHUN HIM	中国香港 HKG	52
12	13	东马 MAS EAST	刘天湘 LIDA LAU DA XIANG	6	:	6	可儿宏晖 KANI HIROAKI	日本 JPN	44
13	41	中国 CHN	左文静 ZUO WENJING	6	:	6	王天一 WANG TIANYI	中国 CHN	37

裁判长(签名):

编排长:黄义熙

云蛇比赛编排软件

## 第17届世界象棋锦标赛

## 首届世界象棋快棋公开赛 第6轮编排对阵表

台号	红方				成绩	黑方			
	编号	单位	姓名	上轮积分		上轮积分	姓名	单位	编号
14	19	美国 USA	LE QUANG NHAT	6	:	6	陈志霖 TAN CHEE LIM	马来西亚 MAS	36
15	51	马来西亚 MAS	林冠廷 TIMOTHY LIM GUAN TING	5	:	6	邱世铭 CLEMENT KIU SIE MIN	东马 MAS EAST	8
16	43	越南 VIE	黎氏金鸾 LE THI KIM LOAN	5	:	5	李雯宜 LEE MUN YEE	马来西亚 MAS	57
17	12	越南 VIE	范辉庆 PHAM HUY KHANH	5	:	5	吴定 WU, TING-HSUAN	中华台北 TPE	40
18	66	越南 VIE	武阮琼如 VO NGUYEN QUYNH NHU	4	:	5	所司和晴 SHOSHI KAZUHARU	日本 JPN	33
19	54	越南 VIE	冯宝娟 PHUNG BAO QUYEN	4	:	4	郭泽辉 TAWEE DANWIRUNH AWANICH	泰国 THA	32
20	38	马来西亚 MAS	佐佐木雄希 SASAKI YUKI	4	:	4	陈净寅 CHEN, JING-YIN	中华台北 TPE	53
21	47	中华台北 TPE	曹有恒 TSAO, YU-HENG	4	:	4	陈幸琳 CHEN XINGLIN	中国 CHN	28
22	31	中华台北 TPE	林萱 LIN, YU-HSUAN	4	:	4	吕承 LU, CHENG-HSUAN	中华台北 TPE	21
23	11	新加坡 SGP	陈茗芳 FIONA TAN MIN FANG	4	:	4	黄睿阳 WONG RUI YANG	马来西亚 MAS	17
24	6	东马 MAS EAST	黄涛睿 ELLIS WONG TOH RUI	4	:	4	洪千惠 VESPERA ANG CHENG WUEY	东马 MAS EAST	1
25	3	中华台北 TPE	邱钰凯 CHIU, YU-KAI	4	:	4	谢定恒 HSIEN, DING-HENG	中华台北 TPE	5

裁判长(签名):

编排长:黄义熙

云蛇比赛编排软件

## 第17届世界象棋锦标赛

## 首届世界象棋快棋公开赛 第6轮编排对阵表

台号	红方				成绩	黑方			
	编号	单位	姓名	上轮积分		上轮积分	姓名	单位	编号
26	59	东马 MAS EAST	孙庆康 TIMOTHY SNG QING KANG	3	:	3	张嘉甯 CHANG, CHIA-NING	中华台北 TPE	58
27	18	东马 MAS EAST	郑义霖 CALVIN TAY YELIN	3	:	3	简子宸 CHIEN, TZU-CHEN	中华台北 TPE	45
28	49	芬兰 FIN	瓦尔豆 VAARA, ARTO	2	:	2	张视淳 TEO SHI CHUN	东马 MAS EAST	4
29	46	东马 MAS EAST	詹意 NOREEN CHIENG YI HEE	2	:	2	曾颜熙 MARCEL CHEN YAN XI	东马 MAS EAST	55
30	15	东马 MAS EAST	彭思颖 CASEY PHANG SZE YING	2	:	2	黄承安 ANSON WEE CHENG ANN	东马 MAS EAST	26
31	42	美国 USA	SAM SLOAN	0	:	0	刘桂华 LAU KUI HWA	汶莱 BRU	30

裁判长(签名):

编排长:黄义熙

云蛇比赛编排软件